TỈNH ỦY HÒA BÌNH * Số 02 - HD/TU	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** *Hòa Bình, ngày 28 tháng 3 năm 2022*

HƯỚNG DẪN
về công tác quy hoạch cán bộ

Thực hiện Quy định số 50-QĐ/TW ngày 27/12/2021 của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ; Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW, ngày 15/02/2022 của Ban Tổ chức Trung ương một số nội dung cụ thể về công tác quy hoạch cán bộ; Ban Thường vụ Tỉnh ủy hướng dẫn một số nội dung cụ thể về công tác quy hoạch cán bộ như sau:

I- PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG; NGUYÊN TẮC, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về nguyên tắc, mục đích, yêu cầu, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực, thẩm quyền, trách nhiệm, phương pháp, tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi, cơ cấu, số lượng, quy trình, quản lý và công khai trong công tác quy hoạch cán bộ; áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị của tỉnh Hòa Bình.

2. Nguyên tắc

- Bảo đảm nguyên tắc Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất lãnh đạo toàn diện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm chặt chẽ, đồng bộ, liên thông, công khai, minh bạch trong công tác quy hoạch cán bộ.

- Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền trên cơ sở nêu cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, người đứng đầu gắn với công tác kiểm tra, giám sát trong công tác quy hoạch cán bộ.

- Bảo đảm cân đối, hài hòa, hợp lý, đồng bộ giữa các khâu trong công tác cán bộ; giữa quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng; giữa đánh giá với quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ; giữa cán bộ quy hoạch với cán bộ đương nhiệm; giữa nguồn cán bộ ở tỉnh với các huyện, thành phố và các sở, ban, ngành; giữa nguồn cán bộ tại chỗ với nguồn cán bộ từ nơi khác.

- Quy hoạch cấp ủy các cấp phải gắn với quy hoạch lãnh đạo, quản lý; lấy quy hoạch các chức danh cấp ủy làm cơ sở để quy hoạch các chức danh

lãnh đạo, quản lý, bảo đảm đồng bộ với các chủ trương, quy định của Đảng về bố trí cán bộ[1]; quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch cấp trên; gắn kết chặt chẽ quy hoạch cán bộ của các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị với quy hoạch cán bộ cấp chiến lược.

- Chỉ quy hoạch đối với chức danh cao hơn, không quy hoạch tái cử, tái bổ nhiệm chức vụ đang đảm nhiệm[2]. Mỗi chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá ba cán bộ, một cán bộ quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng cấp (tính trong cùng một nhiệm kỳ).

- Không thực hiện đồng thời quy trình bổ sung quy hoạch với quy trình bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử vào một chức danh lãnh đạo, quản lý. Việc thực hiện quy trình bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào chức danh quy hoạch chỉ được thực hiện sau khi phê duyệt quy hoạch ít nhất 3 tháng.

3. Mục đích

- Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ; bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ, chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp chiến lược, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân.

- Quy hoạch cán bộ là khâu quan trọng, nhiệm vụ thường xuyên nhằm phát hiện sớm nguồn cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, có triển vọng phát triển để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

---

[1] Ví dụ: Đồng chí Nguyễn Văn A, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy H nhiệm kỳ 2020-2025, nếu được giới thiệu quy hoạch chức danh Phó Bí thư Huyện ủy nhiệm kỳ 2025-2030 và đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, thì có thể xem xét, giới thiệu quy hoạch hai chức danh: Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND huyện nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Đồng chí Nguyễn Văn B, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025, nếu đủ tiêu chuẩn, điều kiện, thì xem xét, giới thiệu quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025-2030, Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND tỉnh nhiệm kỳ 2026-2031 hoặc chức danh lãnh đạo, quản lý khác theo quy định (một cán bộ quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng cấp).

[2] Ví dụ: Đồng chí Nguyễn Văn C hiện là ủy viên Ban thường vụ huyện ủy X nhiệm kỳ 2020-2025, khi quy hoạch nhiệm kỳ 2025-2030 sẽ không giới thiệu đồng chí Nguyễn Văn C vào quy hoạch chức danh Ủy viên Ban thường vụ huyện ủy; nếu đồng chí có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, thì giới thiệu vào danh sách quy hoạch chức danh Phó Bí thư hoặc Bí thư Huyện ủy nhiệm kỳ 2025-2030.

- Đồng chí Nguyễn Văn D hiện là Phó Giám đốc Sở N nhiệm kỳ 2021-2026, khi quy hoạch nhiệm kỳ 2026-2031 sẽ không giới thiệu đồng chí Nguyễn Văn D vào quy hoạch chức danh Phó Giám đốc Sở đang đảm nhiệm hoặc phó giám đốc sở, ngành khác hoặc tương đương; nếu đồng chí đủ tiêu chuẩn, điều kiện, thì giới thiệu vào quy hoạch chức danh Giám đốc Sở nhiệm kỳ 2026-2031 hoặc chức danh khác cao hơn chức danh đang đảm nhiệm.

4. Yêu cầu

Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị phải tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ và cán bộ theo yêu cầu sau:

- Về rà soát, đánh giá nguồn cán bộ: Trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị trong nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ tiếp theo; chỉ đạo rà soát, đánh giá nguồn cán bộ đương nhiệm theo cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện để chuẩn bị nguồn nhân sự trước khi tiến hành công tác quy hoạch cán bộ.

- Đánh giá cán bộ theo các tiêu chí sau:

+ Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức, kỷ luật và việc thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

+ Năng lực công tác: Kết quả, hiệu quả công việc; mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

+ Uy tín: Kết quả đánh giá cán bộ hằng năm của cấp có thẩm quyền và kết quả lấy phiếu tín nhiệm theo quy định (nếu có).

+ Chiều hướng, triển vọng phát triển: Khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo chức danh quy hoạch.

- Việc xác định tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, chức danh quy hoạch phải xuất phát từ tình hình thực tế đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị trong từng nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ tiếp theo; đồng thời gắn kết chặt chẽ với các khâu khác trong công tác cán bộ.

- Thực hiện phương châm quy hoạch "động" và "mở". Quy hoạch "động" là định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh để đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc uy tín thấp và kịp thời bổ sung vào quy hoạch những cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, triển vọng phát triển. Quy hoạch "mở" được hiểu là không khép kín trong từng địa phương, cơ quan, đơn vị mà cần mở rộng nguồn cán bộ từ nơi khác để đưa vào quy hoạch những cán bộ đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Coi trọng chất lượng, không vì số lượng, cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn; đồng thời, quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và có biện pháp hiệu quả để phấn đấu thực hiện cơ cấu ba độ tuổi (khoảng cách giữa các độ tuổi là 5 năm), tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số trong quy hoạch cấp ủy, các chức danh lãnh đạo, quản lý.

II- MỘT SỐ NỘI DUNG CỤ THỂ

1. Chức danh, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực quy hoạch

1.1. Chức danh quy hoạch

Các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị, bao gồm:

- Các chức danh diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý *(Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh).*

- Các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- Các chức danh thuộc diện các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý.

1.2. Đối tượng quy hoạch

Đối tượng quy hoạch cấp ủy, lãnh đạo, quản lý gồm 2 đối tượng, cụ thể:

- Đối tượng 1, đối tượng 2 của các chức danh cấp ủy, cán bộ lãnh đạo, quản lý thực hiện theo Phụ lục 1A, 1B, 1C, 1D.

1.3. Nhiệm kỳ quy hoạch

Quy hoạch cho một nhiệm kỳ và định hướng cho nhiệm kỳ kế tiếp.

1.4. Hiệu lực quy hoạch

Quy hoạch cán bộ có hiệu lực từ ngày cấp có thẩm quyền ký, ban hành quyết định phê duyệt. Quy hoạch hết hiệu lực khi cán bộ được bổ nhiệm vào chức danh quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch hoặc kết thúc nhiệm kỳ của chức danh quy hoạch.

2. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch

2.1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy trình Ban Tổ chức Trung ương phê duyệt quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý *(Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh).*

2.2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định phê duyệt quy hoạch các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

2.3. Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.

2.4. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn quyết định quy hoạch các chức danh Ủy viên Thường trực, Ủy viên Ban chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ; trưởng, phó

các phòng, ban chuyên môn và tương đương thuộc diện quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

2.5. Thủ trưởng các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy quyết định quy hoạch các chức danh trưởng, phó các phòng, ban chuyên môn và tương đương thuộc diện quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

2.6. Thủ trưởng các ban, sở, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ của UBND tỉnh.

2.7. Ban thường vụ cấp huyện và tương đương quyết định, phê duyệt quy hoạch các chức danh theo phân cấp quản lý cán bộ *(ủy viên ban chấp hành, ủy viên UBKT; Trưởng phòng, Phó trưởng phòng, ban và tương đương; Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn)*

2.8. Ban Cán sự Đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị ngành dọc Trung ương công tác và sinh hoạt đảng tại địa phương quyết định quy hoạch các chức danh cấp trưởng, cấp phó các phòng, ban và tương đương trực tiếp quản lý hoặc thực hiện theo quy định của ngành.

3. Trách nhiệm trong công tác quy hoạch

3.1. Trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị

- Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện chủ trương, quy định của Đảng về công tác quy hoạch cán bộ tại địa phương, cơ quan, đơn vị; xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện, xác định đối tượng cụ thể đối với các chức danh do cấp mình quản lý và tham gia xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện các chức danh khác khi được yêu cầu.

- Thực hiện quy trình nhân sự, kết luận về tiêu chuẩn chính trị, nhận xét, đánh giá và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý của địa phương, cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên.

- Căn cứ quy hoạch được phê duyệt để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ gắn với chức danh quy hoạch theo quy định. Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác quy hoạch cán bộ theo thẩm quyền.

3.2. Trách nhiệm của Ban Tổ chức Tỉnh ủy

- Tham mưu giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan thẩm định trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, phê duyệt quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- Tổng hợp, theo dõi công tác quy hoạch các chức danh diện các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị quản lý đã được phê duyệt; báo cáo kết quả xây dựng quy hoạch theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

- Tham mưu tổng kết, sơ kết, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác quy hoạch cán bộ ở các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trao đổi, cung cấp thông tin, giới thiệu nhân sự từ nơi khác (khi cần thiết hoặc theo yêu cầu) để các địa phương, cơ quan, đơn vị nghiên cứu, xem xét, bổ sung quy hoạch theo thẩm quyền.

3.3. Trách nhiệm của các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy và cơ quan liên quan

- Phối hợp thẩm định, thẩm tra, cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến cán bộ được đề nghị quy hoạch theo phân cấp quản lý cán bộ và theo yêu cầu.

- Thực hiện nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3.4. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

- Tham mưu giúp Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh về công tác quy hoạch cán bộ theo quy định.

- Trình Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh xem xét, phê duyệt quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh quản lý.

4. Phương pháp và thời điểm quy hoạch

Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp được thực hiện một lần vào năm thứ hai của nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ các cấp *(riêng nhiệm kỳ 2025 - 2030 thực hiện trong năm 2022)*, đại hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Hằng năm, tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch của nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp trong quý I, báo cáo, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch trong quý II, chậm nhất tháng 6. Trường hợp rà soát, bổ sung quy hoạch lần thứ 2 trong năm, phải báo cáo ít nhất sau 30 ngày, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quy hoạch.

Đối với các tổ chức hội, đoàn thể nhân dân khác được Đảng, Nhà nước giao biên chế, việc xây dựng quy hoạch đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cũng thực hiện tương tự như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

5. Tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi

5.1. Về tiêu chuẩn, điều kiện

Tiêu chuẩn đối với cán bộ quy hoạch, cơ bản thực hiện như tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với chức danh theo quy định hiện hành, cụ thể :

a) Phải đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị như bổ nhiệm đối với:

- Cán bộ quy hoạch các chức danh thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

- Cán bộ quy hoạch các chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (Đối tượng 1).

b) Phải đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, có thể chưa bảo đảm tiêu chuẩn lý luận chính trị đối với cán bộ quy hoạch các chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (Đối tượng 2); sau khi được phê duyệt quy hoạch phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện tiêu chuẩn lý luận chính trị theo quy định.

c) Các tiêu chuẩn khác (Kinh qua chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp dưới, trình độ quản lý nhà nước...), chưa nhất thiết phải đáp ứng ngay nhưng phải có kế hoạch đào tạo, hoàn thiện sau khi phê duyệt quy hoạch[3].

5.2. Về độ tuổi

Cán bộ được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất phải trọn 1 nhiệm kỳ kế tiếp đó (60 tháng). Khi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ đưa vào quy hoạch phải còn đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên. Tuổi quy hoạch được xác định theo tinh thần Kết luận số 08-KL/TW, ngày 15/6/2021 của Bộ

---

[3] *Ví dụ:* (i) Đối với quy hoạch chức danh Phó bí thư Tỉnh ủy, tại thời điểm xét quy hoạch, nhân sự không nhất thiết phải đáp ứng đầy đủ một số tiêu chuẩn sau: Đã kinh qua lãnh đạo chủ chốt cấp huyện (bí thư, phó bí thư, chủ tịch HĐND, chủ tịch UBND cấp huyện); có trình độ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương; (ii) Đối với quy hoạch chức danh phó bí thư huyện ủy, tại thời điểm xem xét quy hoạch, nhân sự không nhất thiết phải đáp ứng đầy đủ một số tiêu chuẩn như: Đã kinh qua và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên ở một trong các chức danh (ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp huyện hoặc phó chủ tịch HĐND, phó chủ tịch UBND huyện); giữ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương trở lên; (iii) Đối với quy hoạch chức danh phó giám đốc sở, tại thời điểm xem xét quy hoạch, nhân sự không nhất thiết phải đáp ứng đầy đủ một số tiêu chuẩn như: Đã kinh qua và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên ở một trong các chức danh (*Trưởng phòng chuyên môn và tương đương các cơ quan cấp tỉnh; phó bí thư huyện ủy; chủ tịch, phó chủ tịch HĐND; chủ tịch, phó chủ tịch UBND);* giữ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương.

Chính trị về tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử và Hướng dẫn số 06-HD/BTCTW, ngày 26/7/2021 của Ban Tổ chức Trung ương, cụ thể như sau:

- Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP, ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm tính tuổi theo quy định phải còn ít nhất 01 nhiệm kỳ công tác (60 tháng) đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.

- Tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch cho nhiệm kỳ hiện tại bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP, ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch phải còn ít nhất 72 tháng đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.

- Đối với cán bộ nữ thuộc đối tượng được nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thì tuổi quy hoạch được xác định theo độ tuổi được quy định và thực hiện như phương pháp nêu trên.

- Đối với các trường hợp không phải là cán bộ, công chức, viên chức *(người hoạt động không chuyên trách, cán bộ nghỉ hưu, nghỉ chế độ,...)*: Tuổi quy hoạch tham gia cấp ủy, Bí thư không quá 64 tuổi, trường hợp đặc biệt phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý nhưng phải có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, sức khỏe đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Xác định tuổi quy hoạch đối với các chức danh cụ thể theo Phụ lục 3.

5.3. Thời điểm tính tuổi quy hoạch

- Đối với quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp: Chức danh cấp ủy, lãnh đạo cấp ủy, các ban, cơ quan của Đảng, Ủy ban Kiểm tra là thời điểm tiến hành Đại hội Đảng bộ các cấp; chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan nhà nước là thời điểm bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp; chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức.

- Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch: Là thời điểm cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ nhận được tờ trình và hồ sơ nhân sự theo quy định.

Thời điểm tính tuổi nhiệm kỳ 2025 - 2030 (2026 - 2031): Kế thừa cách tính thời điểm được quy định tại Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị, cụ thể:

+ Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp ủy nhiệm kỳ 2025-2030: Cấp xã tháng 4/2025, cấp huyện tháng 6/2025, cấp tỉnh tháng 9/2025.

+ Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo các cơ quan Nhà nước nhiệm kỳ 2026 - 2031: Tháng 5/2026.

+ Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của nhiệm kỳ kế tiếp được xác định theo thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức nhiệm kỳ hiện tại cộng với 5 năm (60 tháng).

6. Hệ số, số lượng và cơ cấu

6.1. Về hệ số, số lượng

- Hệ số quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra các cấp từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng theo quy định.

Ví dụ: Đảng bộ huyện X được xác định số lượng ủy viên ban chấp hành là 37 đồng chí; Ủy viên Ban Thường vụ là 11 đồng chí; số lượng Ủy viên Ủy ban Kiểm tra là 07 đồng chí. Số lượng quy hoạch tối đa sẽ là: (1) Ủy viên Ban Chấp hành: 37 x 1,5 = 55,5 đồng chí (làm tròn 56 đồng chí); (2) Ủy viên Ban Thường vụ: 11 x 1,5 = 16,5 đồng chí (làm tròn 17 đồng chí); (3) Ủy viên Ủy Ban Kiểm tra: 7 x 1,5 = 10,5 đồng chí (làm tròn 11 đồng chí). Như vậy số lượng quy hoạch ủy viên ban chấp hành có thể dao động từ 37 - 56 đồng chí; Ủy viên Ban Thường vụ từ 11 - 17 đồng chí, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra từ 7 - 11 đồng chí.

- Số lượng chức danh quy hoạch lãnh đạo, quản lý:

+ Một chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá 3 cán bộ.

Ví dụ: Theo quy định, Sở Nội vụ có 03 phó giám đốc, số lượng quy hoạch tối đa sẽ là: 3 x 3 = 9 người.

+ Một cán bộ quy hoạch không quá 3 chức danh ở cùng một cấp phê duyệt quy hoạch (không bao gồm chức danh ủy viên ban chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra cấp ủy các cấp).

Ví dụ: Đồng chí Nguyễn Văn A, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban Dân vận Huyện ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025 được giới thiệu quy hoạch tối đa 3 chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định phê duyệt quy hoạch (Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy, HĐND huyện, Phó trưởng Ban Đảng Tỉnh ủy, Phó giám đốc sở... nhưng tối đa không qua 3 chức danh). Nguyễn Văn B, Trưởng phòng thuộc sở X được được giới thiệu quy hoạch tối đa 3 chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định phê duyệt quy hoạch (Phó Giám đốc, Giám đốc sở X hoặc Phó giám đốc sở khác.. nhưng tối đa không quá 3 chức danh).

6.2. Về cơ cấu

Phấn đấu cơ cấu, tỉ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp theo hướng: Cán bộ trẻ (dưới 40 tuổi đối với cấp tỉnh, cấp huyện và dưới 35 tuổi đối với cấp xã) từ 15% trở lên, cán bộ nữ từ 25% trở lên; tỉ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số phù hợp với từng địa bàn, lĩnh vực; cấp huyện và tương đương trở lên phải có cán bộ nữ trong quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý.

7. Quy trình và hồ sơ nhân sự quy hoạch

7.1. Quy trình quy hoạch

- Quy trình quy hoạch gồm 2 quy trình: (1) Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ. (2) Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ hằng năm từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc từ nguồn nhân sự ở nơi khác.

Cụ thể quy trình quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý: Thực hiện theo Phụ lục 2. Các chức danh khác theo phân cấp quản lý cán bộ: Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ vào Phụ lục 2 để quy định cụ thể cho phù hợp.

7.2. Hồ sơ nhân sự: Thực hiện theo Phụ lục 6.

8. Công khai và quản lý quy hoạch

8.1. Công khai quy hoạch: Danh sách cán bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch được thông báo công khai trong cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, quản lý, sử dụng quy hoạch.

8.2. Quản lý quy hoạch: Căn cứ vào kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

- Chậm nhất sau **30** ngày kể từ khi phê duyệt quy hoạch, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị phải báo cáo cấp trên trực tiếp kết quả phê duyệt quy hoạch.

- Căn cứ vào kết quả phê duyệt quy hoạch, tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh quy hoạch và yêu cầu, nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị; Ban Thường vụ các huyện, thành ủy, Đảng ủy trực thuộc, Ban Cán sự Đảng, Đảng đoàn, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm cán bộ quy hoạch đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Định kỳ hằng năm, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát, đánh giá chất lượng, cơ cấu nguồn cán bộ trong quy hoạch để kịp thời điều chỉnh, bổ sung quy hoạch theo quy định.

9. Các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch: Cán bộ thuộc một trong các trường hợp sau thì đương nhiên đưa ra khỏi quy hoạch, cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch ban hành quyết định đưa cán bộ đó ra khỏi quy hoạch không phải thực hiện quy trình bỏ phiếu theo quy định:

- Quá tuổi quy hoạch;

- Bị cấp có thẩm quyền thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (đối với cá nhân);

- Có kết luận của cơ quan có thẩm quyền không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị của chức danh quy hoạch;

- Đã được bổ nhiệm, bầu cử vào chức danh tương đương hoặc chức danh cao hơn theo quy định.

- Chuyển công tác ra khỏi địa bàn tỉnh hoặc đã thôi việc, bị xoá tên đảng viên trong danh sách đảng viên.

- Cán bộ đã từ trần.

Đối với cán bộ bị thi hành kỷ luật, sau khi quyết định thi hành kỷ luật hết hiệu lực theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cấp có thẩm quyền có thể xem xét việc quy hoạch theo quy định.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với các trường hợp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch của nhiệm kỳ 2020 - 2025 (2021 - 2026), trước thời điểm ban hành Quy định số 50-QĐ/TW của Bộ Chính trị, thì quyết định quy hoạch vẫn còn giá trị.

2. Đối với các trường hợp đã thực hiện xong quy trình rà soát, bổ sung nhưng chưa phê duyệt quy hoạch thì cấp có thẩm quyền phải rà soát, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng, hệ số theo Quy định số 50-QĐ/TW của Bộ Chính trị trước khi xem xét phê duyệt quy hoạch.

3. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác quy hoạch cán bộ ở cấp mình và chỉ đạo, hướng dẫn cấp dưới xây dựng, thực hiện cho phù hợp với tình hình, yêu cầu thực tiễn, bảo đảm tổng thể, đồng bộ, chặt chẽ, dân chủ, công bằng, công tâm, khách quan, minh bạch, đúng theo Quy định số 50-QĐ/TW của Bộ Chính trị, Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương, Hướng dẫn này và các quy định khác có liên quan.

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Hướng dẫn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Hướng dẫn về công tác quy hoạch cán bộ (kèm theo các phụ lục) có hiệu lực từ ngày ký, thay thế những hướng dẫn trước đây về quy hoạch cán bộ không phù hợp với Hướng dẫn này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị tổng hợp báo cáo Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) để xem xét, giải quyết./.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Tỉnh ủy Hòa Bình
01.04.2022 07:34:55 +07:00

Ngô Văn Tuấn

Nơi nhận:
- Ban Tổ chức Trung ương,
- Các đ/c Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (5 bản),
- Các Đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy,
- Chuyên viên tổng hợp,
- Cổng thông tin điện tử Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

PHỤ LỤC 1A
ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH DIỆN BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ QUẢN LÝ

(Kèm theo Hướng dẫn số 02-HD/TU, ngày 28/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I. Đối tượng quy hoạch chức danh Bí thư Tỉnh ủy

1. Đối tượng 1: Phó Bí thư Tỉnh ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

II. Đối tượng quy hoạch chức danh Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

PHỤ LỤC 1B
ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH DIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ

(Kèm theo Hướng dẫn số 02-HD/TU, ngày 28/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I. Đối tượng quy hoạch chức danh Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; cấp trưởng các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, cơ quan, đơn vị ở tỉnh; Bí thư cấp ủy trực thuộc Đảng bộ tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên (quy hoạch Phó Chủ tịch HĐND phải là đại biểu HĐND tỉnh, quy hoạch Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh phải là đại biểu Quốc hội).

2. Đối tượng 2: Cấp phó các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị ở tỉnh; Phó Bí thư cấp ủy trực thuộc Đảng bộ tỉnh, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

II. Đối tượng quy hoạch chức danh cấp trưởng các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, cơ quan, đơn vị ở tỉnh; Bí thư cấp ủy trực thuộc Đảng bộ tỉnh

1. Đối tượng 1: Cấp phó các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị ở tỉnh; Phó Bí thư cấp ủy trực thuộc Đảng bộ tỉnh; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Trưởng phòng và tương đương thuộc các các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị ở tỉnh; Ủy viên Ban Thường vụ

các đảng bộ trực thuộc tỉnh, Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

III. Đối tượng quy hoạch chức danh cấp phó các ban, sở, ngành, Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, cơ quan, đơn vị ở tỉnh; Phó Bí thư cấp ủy trực thuộc Đảng bộ tỉnh

1. Đối tượng 1: Trưởng phòng và tương đương thuộc các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị ở tỉnh; Phó Bí thư, Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND các huyện, thành phố.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Phó trưởng phòng và tương đương thuộc các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị ở tỉnh; Ủy viên Ban Thường vụ các đảng bộ trực thuộc tỉnh.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

IV. Đối tượng quy hoạch chức danh Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Thường vụ các đảng bộ trực thuộc, Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND các huyện, thành phố.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên, quy hoạch Chủ tịch HĐND phải là đại biểu HĐND.

2. Đối tượng 2: Ủy viên ban chấp hành các đảng bộ trực thuộc; trưởng các phòng, ban, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị cấp huyện.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

V. Đối tượng quy hoạch chức danh Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND các huyện, thành phố

1. Đối tượng 1: Ủy viên ban chấp hành các đảng bộ trực thuộc; trưởng các phòng, ban, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị cấp huyện; Bí thư Đảng ủy xã, phường, thị trấn.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên, quy hoạch Phó Chủ tịch HĐND phải là đại biểu HĐND.

2. Đối tượng 2: Phó trưởng phòng và tương đương ở các phòng, ban, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị cấp huyện; Phó Bí thư, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

VI. Đối tượng quy hoạch chức danh Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

1. Đối tượng 1: Trưởng phòng và tương đương thuộc các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị ở tỉnh; Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra các đảng bộ trực thuộc; Trưởng phòng và tương đương cấp huyện và là cấp ủy viên cấp huyện trở lên.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Phó trưởng phòng, chuyên viên thuộc các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị ở tỉnh; ủy viên Ủy ban Kiểm tra các đảng bộ trực thuộc.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

PHỤ LỤC 1C
ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH DIỆN CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ QUẢN LÝ

(Kèm theo Hướng dẫn số 02-HD/TU, ngày 28/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I. Đối tượng quy hoạch chức danh Trưởng phòng và tương đương của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện

1. Đối tượng 1: Phó Trưởng phòng và tương đương.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Chuyên viên và tương đương

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

II. Đối tượng quy hoạch Phó trưởng phòng và tương đương của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện

Đối tượng: Chuyên viên và tương đương.

Ưu tiên cán bộ trẻ có năng lực nổi trội. Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

III. Đối tượng quy hoạch Bí thư Đảng ủy xã, phường, thị trấn

1. Đối tượng 1: Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND, UBND xã, phường, thị trấn

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Chủ tịch HĐND, UBND xã, phường, thị trấn.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

IV. Đối tượng quy hoạch chức danh Phó Bí thư Đảng ủy xã, phường, thị trấn

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, trưởng các Ban, Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể xã, phường, thị trấn.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

V. Đối tượng quy hoạch chức danh Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên, quy hoạch Chủ tịch HĐND phải là đại biểu HĐND.

2. Đối tượng 2: Ủy viên Ban Chấp hành các Đảng bộ; Trưởng các ban, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể xã, phường, thị trấn.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

VI. Đối tượng quy hoạch chức danh Phó Chủ tịch HĐND, UBND xã, phường, thị trấn

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Chấp hành các đảng bộ, trưởng các ban, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể xã, phường, thị trấn.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên, quy hoạch Phó Chủ tịch HĐND phải là đại biểu HĐND.

2. Đối tượng 2: Công chức xã, phường, thị trấn.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

PHỤ LỤC 1D
ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH BAN CHẤP HÀNH, BAN THƯỜNG VỤ CẤP ỦY CÁC CẤP

(Kèm theo Hướng dẫn số 02-HD/TU, ngày 28/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I. Đối tượng quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

1. Đối tượng 1: Cấp trưởng; cấp phó các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, cơ quan, đơn vị ở tỉnh *(được quy hoạch chức danh cấp trưởng)*; Bí thư, Phó Bí thư cấp ủy trực thuộc Đảng bộ tỉnh *(được quy hoạch chức danh Bí thư).*

Các đồng chí giữ chức vụ Phó Bí thư cấp ủy, phó các ban, cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh mà được xác định là có cơ cấu Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ thì không cần điều kiện phải được quy hoạch vào chức danh cấp trưởng tương ứng.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Ủy viên Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện và tương đương; Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND cấp huyện; Trưởng phòng của ban, sở, ngành tỉnh.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

II. Đối tượng quy hoạch Ban Thường vụ Tỉnh ủy

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Cấp trưởng, cấp phó các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, cơ quan, đơn vị ở tỉnh *(được quy hoạch chức danh cấp trưởng)*; Bí thư, Phó Bí thư cấp ủy của đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy được quy hoạch chức danh Bí thư *(nếu chưa tham gia cấp ủy tỉnh).*

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

III. Đối tượng quy hoạch ban chấp hành các Đảng bộ trực thuộc tỉnh

1. Đối tượng 1: Cấp trưởng; cấp phó các ban, phòng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, cơ quan, đơn vị ở cấp huyện *(được quy hoạch chức danh cấp trưởng)*; Bí thư, Phó Bí thư đảng ủy xã, phường, thị trấn *(được quy hoạch chức danh Bí thư)*.

Đối với các đồng chí giữ chức vụ phó các ban, phòng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, cơ quan, đơn vị ở cấp huyện mà được xác định là có cơ cấu Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thì không cần điều kiện phải được quy hoạch vào chức danh cấp trưởng tương ứng.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Ủy viên Ban Thường vụ cấp ủy cấp xã và tương đương; Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND cấp xã.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

IV. Đối tượng quy hoạch ban thường vụ các Đảng bộ trực thuộc tỉnh

1. Đối tượng 1: Ủy viên ban chấp hành các đảng bộ trực thuộc.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Cấp trưởng; cấp phó các ban, phòng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, cơ quan, đơn vị các huyện, thành phố và tương đương *(được quy hoạch chức danh cấp trưởng)*; Bí thư Đảng ủy xã, phường, thị trấn *(nếu chưa tham gia cấp ủy cấp huyện)*.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

V. Đối tượng quy hoạch Ban chấp hành Đảng bộ xã, phường, thị trấn

1. Đối tượng 1: Cấp trưởng; cấp phó Ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội xã, phường, thị trấn (được quy hoạch cấp trưởng); Bí thư các chi bộ trực thuộc.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Công chức xã được quy hoạch các chức danh lãnh đạo Đảng ủy, HĐND, UBND xã, phường, thị trấn; Phó Bí thư các chi bộ trực thuộc.

Các đồng chí này phải còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

VI. Đối tượng quy hoạch Ban thường vụ Đảng ủy xã, phường, thị trấn

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã, phường, thị trấn.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn được quy hoạch các chức danh lãnh đạo Đảng ủy, HĐND, UBND xã, phường, thị trấn; cán bộ không chuyên trách được quy hoạch cán bộ xã đối với những vị trí cơ cấu Ban Thường vụ Đảng ủy xã.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

PHỤ LỤC 2
QUY TRÌNH NHÂN SỰ QUY HOẠCH

(Kèm theo Hướng dẫn số 02-HD/TU, ngày 28/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I. Quy trình xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ

1. Bước 1: Xây dựng kế hoạch triển khai và chuẩn bị nguồn cán bộ dự kiến phát hiện, giới thiệu quy hoạch.

Căn cứ Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ và cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định. Trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị; Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Ban Thường vụ các huyện, thành ủy, Đảng ủy trực thuộc tỉnh; Ban Cán sự Đảng, Đảng đoàn, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị chỉ đạo cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau: (1) Xây dựng kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị mình. (2) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ để dự kiến danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý.

2. Bước 2: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1)

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo thảo luận, phân tích và thông qua: (1) Kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị. (2) Danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để trình các hội nghị xem xét, phát hiện, giới thiệu quy hoạch.

Thành phần:

- Đối với cấp tỉnh, cấp huyện là ban thường vụ cấp ủy.

- Đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh là Ban Cán sự Đảng, Đảng đoàn; tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị (nơi không thành lập Ban Cán sự Đảng, Đảng đoàn).

- Đối với các phòng, ban và tương đương cấp huyện là tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị.

- Đối với các xã, phường, thị trấn: là Ban Chấp hành Đảng bộ.

3. Bước 3: Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến phát hiện, giới thiệu nguồn quy hoạch (bằng phiếu kín).

(1) Thành phần:

- Đối với cấp tỉnh là Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương trở lên; Bí thư, Phó Bí thư các Đảng bộ trực thuộc; Chủ tịch HĐND, UBND các huyện, thành phố.

- Đối với các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh là ban chấp hành Đảng bộ huyện; Trưởng các phòng, ban, đoàn thể cấp huyện và tương đương; Bí thư, Phó Bí thư các chi, Đảng bộ trực thuộc; Chủ tịch HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn.

- Đối với các Đảng bộ xã, phường, thị trấn: Các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND cấp xã; trưởng các đoàn thể cấp xã; Bí thư các chi bộ trực thuộc.

- Đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh là Ban Cán sự Đảng, Đảng đoàn; tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị (nơi không thành lập Ban Cán sự Đảng, Đảng đoàn); Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và tương đương; Ban Chấp hành Đảng bộ (chi ủy); Trưởng các đoàn thể (Đối với Mặt trận tổ quốc mời thêm các đồng chí trong Ban thường trực và các tổ chức chính trị - xã hội mời thêm các đồng chí trong Ban Chấp hành).

- Đối với các phòng, ban cấp huyện là tập thể lãnh đạo, cấp ủy (các chi bộ sinh hoạt ghép thì chỉ mời các đồng chí cấp ủy viên thuộc biên chế của cơ quan, đơn vị) và toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị (Đối với Mặt trận tổ quốc mời thêm các đồng chí trong Ban thường trực và các tổ chức chính trị - xã hội mời thêm các đồng chí trong ban chấp hành).

(2) Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

4. Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3, tập thể lãnh đạo mở rộng tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

(1) Đối với cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh và cấp huyện

- Thành phần:

+ Cấp tỉnh, cấp huyện là Ban Chấp hành Đảng bộ.

+ Các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh là Ban Cán sự Đảng, Đảng đoàn, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị (nơi không thành lập Ban Cán sự Đảng, Đảng đoàn); Ban Chấp hành Đảng bộ (chi ủy); Trưởng phòng và tương đương.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

(2) Đối với các phòng, ban cấp huyện, cấp xã

- Thành phần:

+ Các phòng, ban cấp huyện là tập thể lãnh đạo, cấp ủy (các chi bộ sinh hoạt ghép thì chỉ mời các đồng chí cấp ủy viên thuộc biên chế của cơ quan, đơn vị).

+ Cấp xã là Ban Chấp hành Đảng bộ.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định **để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch**. Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

5. Bước 5: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2)

Căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị và kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3 và bước 4, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

II- Quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm

1. Quy trình đối với nguồn nhân sự tại chỗ

Căn cứ vào kết quả đánh giá cán bộ hằng năm của cấp có thẩm quyền và đề xuất của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo chỉ đạo rà soát, bổ sung quy hoạch theo các bước sau:

(1) **Bước 1:** Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1) xem xét, thông qua danh sách bổ sung quy hoạch để lấy ý kiến tại các hội nghị và bỏ phiếu đưa ra khỏi quy hoạch đối với những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc đưa ra khỏi quy hoạch: Những đồng chí có trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý thì đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch.

(2) **Bước 2:** Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến phát hiện, giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

(3) **Bước 3:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng.

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, tập thể lãnh đạo mở rộng tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

(4) **Bước 4:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2).

Căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị và kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2 và bước 3, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

2. Quy trình đối với nguồn nhân sự từ nơi khác

(1) **Bước 1:** Chuẩn bị và xác định nguồn quy hoạch.

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, ban thường vụ cấp ủy các cấp; Ban Cán sự Đảng, Đảng đoàn, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị chỉ đạo cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau: (1) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ tại chỗ (trong quy hoạch và ngoài quy hoạch); trong đó, phân tích và xác định rõ cơ cấu, số lượng, chuyên ngành đào tạo, chức danh quy hoạch mà địa phương, cơ quan, đơn vị hiện còn thiếu nguồn nhân sự hoặc có nhưng chưa đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu đặt ra cần giới thiệu bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự từ nơi khác. (2) Nghiên cứu, đề xuất danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

(2) **Bước 2:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1).

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo thảo luận, phân tích, xác định cơ cấu, số lượng chức danh quy hoạch; đồng thời, thông qua danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác.

(3) **Bước 3:** Trao đổi với nhân sự và lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác.

Đại diện tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị gặp gỡ, trao đổi với nhân sự dự kiến giới thiệu quy hoạch; đồng thời, có văn bản lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác về dự kiến chức danh quy hoạch; nhận xét, đánh giá đối với cán bộ và cung cấp hồ sơ nhân sự theo quy định.

(4) **Bước 4:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2).

Tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

*** Lưu ý:**

- Hội nghị cán bộ chủ chốt *(bước 3 của quy trình xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ và bước 2 của quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm từ nguồn nhân sự tại chỗ)* chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.

- Thành phần hội nghị ở các bước trong quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch tương tự như thành phần hội nghị ở các bước trong quy trình xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp.

- Kết quả biểu quyết giới thiệu tại bước 5 *(xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp)* và ở bước 4 *(rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm)* được công bố tại hội nghị tập thể lãnh đạo. Đối với kết quả kiểm phiếu phát hiện, giới thiệu ở các bước còn lại không công bố tại hội nghị.

PHỤ LỤC 3
XÁC ĐỊNH TUỔI[4] ĐỐI VỚI CÁC CHỨC DANH QUY HOẠCH

(Kèm theo Hướng dẫn số 02-HD/TU, ngày 28/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I. Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp đối với đối tượng 1

1. Chức danh cấp ủy, lãnh đạo các ban, cơ quan của đảng, Ủy ban Kiểm tra các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030, 2026 - 2031

Chức danh cấp ủy, lãnh đạo các ban, cơ quan của Đảng, Ủy ban Kiểm tra các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2025-2030	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 4/1968 trở lại đây	Sinh từ tháng 01/1972 trở lại đây[5]
Huyện	Sinh từ tháng 6/1968 trở lại đây	Sinh từ tháng 02/1972 trở lại đây[6]
Tỉnh	Sinh từ tháng 9/1968 trở lại đây[7]	Sinh từ tháng 5/1972 trở lại đây[8]

---

[4] **Lưu ý:** (1) Đối với cán bộ nữ thuộc đối tượng được nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thì tuổi quy hoạch được xác định theo độ tuổi được quy định. (2) Cán bộ nữ không thuộc đối tượng được nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn thì việc xác định tuổi quy hoạch tương ứng ở cột độ tuổi của nữ.

[5] **Ví dụ 1:** Đồng chí Nguyễn Thị A (nữ) sinh **tháng 01/1972**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **58 tuổi 4 tháng - 53 tuổi 3 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 4/2025) = **5 năm 01 tháng** công tác (nếu tính sinh tháng 12/1971, thì thiếu 04 tháng).

[6] **Ví dụ 2:** Đồng chí Nguyễn Thị B (nữ) sinh **tháng 02/1972**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **58 tuổi 4 tháng - 53 tuổi 4 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 6/2025) = **5 năm** công tác.

[7] **Ví dụ 3:** Đồng chí Nguyễn Văn C (nam) sinh **tháng 9/1968,** thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **62 tuổi - 57 tuổi** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 9/2025) = **5 năm** công tác.

[8] **Ví dụ 4:** Đồng chí Nguyễn Thị B (nữ) sinh **tháng 05/1972**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **58 tuổi 4 tháng - 53 tuổi 4 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 9/2025) = **5 năm** công tác.

2. Chức danh lãnh đạo, quản lý cơ quan nhà nước nhiệm kỳ 2026 - 2031

Chức danh lãnh đạo, quản lý cơ quan nhà nước các cấp *(cùng một thời điểm)*	**Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2026 - 2031**	
	Nam	**Nữ**
	Sinh từ tháng 5/1969 trở lại đây[9]	Sinh từ tháng 9/1972 trở lại đây[10]

3- Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội *(xác định theo thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức nhiệm kỳ hiện tại cộng với 60 tháng).*

(1)- Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhiệm kỳ 2029-2034 (cấp xã tháng 3/2029, cấp huyện tháng 5/2029, cấp tỉnh tháng 7/2029).

Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc các cấp	**Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2029-2034**	
	Nam	**Nữ**
Xã	Sinh từ tháng 3/1972 trở lại đây	Sinh từ tháng 9/1974 trở lại đây[11]
Huyện	Sinh từ tháng 5/1972 trở lại đây[12]	Sinh từ tháng 9/1974 trở lại đây[13]
Tỉnh	Sinh từ tháng 7/1972 trở lại đây	Sinh từ tháng 11/1974 trở lại đây[14]

[9] **Ví dụ 7:** Đồng chí Nguyễn Văn C (nam) sinh **tháng 5/1969**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **62 tuổi - 57 tuổi** (tuổi thực tế tại thời điểm bầu cử Quốc hội, HĐND tháng 5/2026) = **5 năm** công tác.

[10] **Ví dụ 8:** Đồng chí Nguyễn Thị B (nữ) sinh **tháng 9/1972**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 8 tháng** (tuổi tại thời điểm bầu cử Quốc hội, HĐND tháng 5/2026) = **5 năm** công tác.

[11] **Ví dụ 9:** Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh **tháng 9/1974**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 8 tháng - 54 tuổi 6 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 3/2029) = **5 năm 02 tháng** công tác (nếu tính sinh tháng 8/1974, thì thiếu 03 tháng).

[12] **Ví dụ 10:** Đồng chí Nguyễn Văn C (nam) sinh **tháng 5/1972**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **62 tuổi - 57 tuổi** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 5/2029) = **5 năm** công tác.

[13] **Ví dụ 11**: Đồng chí Nguyễn Thị M (nữ) sinh **tháng 9/1974**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 8 tháng - 54 tuổi 8 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 5/2029) = **5 năm** công tác.

[14] **Ví dụ 12:** Đồng chí Nguyễn Thị M (nữ) sinh **tháng 11/1974**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 8 tháng - 54 tuổi 8 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 7/2029) = **5 năm** công tác.

(2)- Chức danh lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ nhiệm kỳ 2026-2031 (cấp xã tháng 4/2026, cấp huyện tháng 6/2026, cấp tỉnh tháng 9/2026).

Chức danh lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp	**Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2026-2031** *(đối với cấp xã, huyện, tỉnh)*; **nhiệm kỳ 2027-2032** *(đối với cấp Trung ương)*
Xã	Sinh từ tháng 9/1972 trở lại đây[15]
Huyện	Sinh từ tháng 10/1972 trở lại đây[16]
Tỉnh	Sinh từ tháng 01/1973 trở lại đây[17]

(3)- Chức danh lãnh đạo Liên đoàn Lao động nhiệm kỳ 2028-2033 (cấp xã tháng 6/2028, cấp huyện tháng 9/2028, cấp tỉnh tháng 11/2028).

Chức danh lãnh đạo Liên đoàn Lao động các cấp	**Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2028-2033**	
	Nam	**Nữ**
Xã	Sinh từ tháng 6/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 02/1974 trở lại đây[18]
Huyện	Sinh từ tháng 9/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 5/1974 trở lại đây[19]
Tỉnh	Sinh từ tháng 11/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 7/1974 trở lại đây[20]

---

[15] **Ví dụ 14:** Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh **tháng 9/1972**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 7 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 4/2026) = **5 năm 1 tháng** công tác (nếu tính sinh tháng 8/1972, thì thiếu 04 tháng).

[16] **Ví dụ 15:** Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh **tháng 10/1972**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 8 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 6/2026) = **5 năm** công tác.

[17] **Ví dụ 16:** Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh **tháng 01/1973**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 8 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 9/2026) = **5 năm** công tác.

[18] **Ví dụ 18**: Đồng chí Nguyễn Thị T (nữ) sinh **tháng 02/1974**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 6/2028) = **5 năm** công tác.

[19] **Ví dụ 19**: Đồng chí Nguyễn Thị T (nữ) sinh **tháng 5/1974**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 9/2028) = **5 năm** công tác.

[20] **Ví dụ 20:** Đồng chí Nguyễn Thị T (nữ) sinh **tháng 7/1974**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 11/2028) = **5 năm** công tác.

(4)- Chức danh lãnh đạo Hội Nông dân nhiệm kỳ 2028-2033 (cấp xã tháng 5/2028, cấp huyện tháng 6/2028, cấp tỉnh tháng 9/2028).

Chức danh lãnh đạo Hội Nông dân các cấp	**Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2028-2033**	
	Nam	**Nữ**
Xã	Sinh từ tháng 5/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 01/1974 trở lại đây[21]
Huyện	Sinh từ tháng 6/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 02/1974 trở lại đây[22]
Tỉnh	Sinh từ tháng 9/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 5/1974 trở lại đây[23]

(5)- Chức danh lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2027-2032 (cấp xã tháng 5/2027, cấp huyện tháng 8/2027, cấp tỉnh tháng 10/2027).

Độ tuổi quy hoạch đối với các chức danh cán bộ Đoàn ở các cấp, đề nghị thực hiện theo nguyên tắc nêu trên, đồng thời bảo đảm đồng bộ với độ tuổi cán bộ Đoàn theo Quyết định số 289-QĐ/TW, ngày 08/02/2010 của Ban Bí thư, hướng dẫn của Ban Bí thư Trung ương Đoàn.

II. Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp đối với đối tượng 2

Độ tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp đối với đối tượng 2 được xác định: Độ tuổi của đối tượng 1 (của chức danh tương ứng nêu tại Phần I) cộng thêm 5 năm (60 tháng).

III. Tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm đối với cả 2 đối tượng

Việc xác định độ tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ kế tiếp và nhiệm kỳ hiện tại cơ bản thực hiện như phương pháp tính nêu tại khoản 2, Điều 8, phần II của Quy định. Vào thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ kế tiếp, cán bộ phải còn thời gian công tác ít nhất 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với đối tượng 1 và ít nhất 2 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2; đối với rà soát bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ phải còn thời gian công tác ít nhất 72 tháng và ít nhất 120 tháng đối với đối tượng 2.

---

[21] **Ví dụ 22:** Đồng chí Nguyễn Thị D (nữ) sinh **tháng 01/1974**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 5/2028) = **5 năm** công tác.

[22] **Ví dụ 23**: Đồng chí Nguyễn Thị D (nữ) sinh **tháng 02/1974**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 6/2028) = **5 năm** công tác.

[23] **Ví dụ 24:** Đồng chí Nguyễn Thị D (nữ) sinh **tháng 5/1974**, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là **59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng** (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 9/2028) = **5 năm** công tác.

PHỤ LỤC 4

CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG, **CƠ QUAN, ĐƠN VỊ...** * *(đóng dấu)*	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** *..., ngày ... tháng ... năm ...*

PHIẾU GIỚI THIỆU/ BIỂU QUYẾT
Quy hoạch (rà soát, bổ sung quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch) các chức danh lãnh đạo, quản lý... nhiệm kỳ ...
(tại Hội nghị.....)

Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, cơ cấu, số lượng, ... và phẩm chất đạo đức, năng lực cán bộ; ban thường vụ cấp ủy *(tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị)*... đề nghị đồng chí cho biết ý kiến giới thiệu (biểu quyết) nhân sự quy hoạch (rà soát, bổ sung hoặc đưa ra khỏi quy hoạch) các chức danh lãnh đạo, quản lý... nhiệm kỳ... và đánh dấu (X) vào ô tương ứng trong danh sách dưới đây:

STT	Họ và tên[24]	Ngày sinh	Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay	Giới thiệu/Biểu quyết	
				Đồng ý	Không đồng ý
I	**Chức danh** **Bí thư Tỉnh ủy**				
1	Nguyễn Văn A				
2	...				
II	**Chức danh** **Phó Bí thư Tỉnh ủy**				
	...				
III	**Chức danh ...**				
1	...				

Ý kiến khác *(nếu có)*:.....

NGƯỜI GIỚI THIỆU
(Có thể ký tên hoặc không ký tên)

---

[24] Đưa danh sách các đồng chí bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, được tín nhiệm giới thiệu ở bước trước theo quy định.

PHỤ LỤC 5

CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG **CƠ QUAN, ĐƠN VỊ....** *	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** *....., ngày tháng năm ....*
Số -QĐ/...	

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy hoạch (rà soát, bổ sung quy hoạch) các chức danh cán bộ diện cấp ủy, tổ chức đảng...quản lý của cơ quan (đơn vị)...nhiệm kỳ...

- Căn cứ Quyết định số ....-QĐ/TW, ngày.../.../.../ của Bộ Chính trị (Ban Bí thư) về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cấp ủy, tổ chức đảng...;

- Căn cứ Quy định số 50-QĐ/TW, ngày 27/12/2021 của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ;

- Xét đề nghị của cơ quan (đơn vị)...(Tờ trình số....TTr/..., ngày.../.../...),

BAN THƯỜNG VỤ CẤP ỦY [25]/BAN CHẤP HÀNH TỔ CHỨC ĐẢNG [26], ...
QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch (rà soát, bổ sung quy hoạch) các chức danh cán bộ diện cấp ủy, tổ chức đảng....quản lý của cơ quan (đơn vị)...nhiệm kỳ...(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban Thường vụ cấp ủy, tổ chức đảng...có trách nhiệm định kỳ rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ theo đúng quy định hiện hành của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ; xây dựng kế hoạch và phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển đối với cán bộ trong danh sách quy hoạch.

Điều 3. Ban Tổ chức Huyện ủy (Phòng Tổ chức ...), Ban Thường vụ cấp ủy, tổ chức đảng...và các đồng chí có tên trong danh sách quy hoạch nêu tại Điều 1 thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3,
- Cơ quan, đơn vị cấp trên (để b/c),
- Lưu:

---

[25] Đối với cấp huyện
[26] Đối với cấp cơ sở

PHỤ LỤC 6
DANH MỤC HỒ SƠ NHÂN SỰ QUY HOẠCH

(Kèm theo Hướng dẫn số 02-HD/TU, ngày 28/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Danh mục hồ sơ nhân sự quy hoạch thống nhất khổ giấy A4 và sắp xếp theo thứ tự sau:

1. Tờ trình và bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu ở các bước.

2. Sơ yếu lý lịch theo quy định hiện hành do cá nhân tự khai và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu khổ 4x6.

3. Nhận xét, đánh giá của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, về: (1) Phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ. (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. (3) Uy tín và triển vọng phát triển.

4. Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo Quy định của Bộ Chính trị về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.

5. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành (có ký xác nhận của người kê khai và người nhận bản kê khai theo quy định).

6. Bản sao có giá trị pháp lý các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị... (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).

PHỤ LỤC 7

CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ....
*
Số -QĐ/...

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày tháng năm ....

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU
Nhân sự giới thiệu quy hoạch (rà soát, bổ sung quy hoạch) các chức danh lãnh đạo quản lý nhiệm kỳ ...

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Chức vụ, đơn vị công tác	Ngày vào Đảng	Trình độ			Chức danh đã được phê duyệt quy hoạch	Đối tượng quy hoạch *(đối tượng 1 hoặc 2)*	Số phiếu giới thiệu					
								Học hàm học vị	Chuyên môn	Lý luận chính trị			Bước 2 (3)		Bước 3 (4)		Bước 4 (5)	
													Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
I	**Chức danh Bí thư Huyện ủy**																	
1	Trần Văn A																	
II	**Chức danh Phó Bí thư Huyện ủy**																	
1	Nguyễn Văn B																	
III	**Chức danh Chủ tịch**																	

	HĐND huyện																	
1	Lê Thị C																	
IV	**Chức danh Chủ tịch UBND huyện**																	
1	Trần Văn D																	